

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2017/HNGĐ-ST

Ngày 06/12/2017

V/v: “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Trần Văn Phước

2. Bà: Phạm Thị Em

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thuý – Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*
Bà Đỗ Thị Thu Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 06/12/2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017, về việc: “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/10/2017 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: **Khổng Văn H**, sinh năm 1973.

HKTT: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Khổng Văn H tự nguyện kết hôn vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Anh H chỉ lo sống cho bản thân không quan tâm đến gia đình. Chị nhiều lần động viên khuyên giải nhưng anh H vẫn không sửa đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn nên chị và anh H ly thân đến nay đã 03 năm. Nay, chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh H không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn.

Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung Khổng Thị Tuyết N1, sinh ngày 19/10/2004, Khổng Thị Tuyết N2, sinh ngày 08/6/2012 hiện chị đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Khổng Văn H vắng mặt tại tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình thụ lý giải quyết đối với bị đơn anh Khổng Văn H, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo luật định.

Tòa án đã tiến hành việc cấp tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai cho anh Khổng Văn H để đưa vụ kiện ra xét xử nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét thấy, chị Trần Thị Thu T và anh Khổng Văn H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm trong cuộc sống, chị cố gắng hàn gắn để hòa hợp cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả nên chị và anh H đã ly thân hơn 03 năm. Nay, chị khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do cho nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh chị đoàn tụ được mà lập biên hòa giải không được và xử cho anh H và chị T được ly hôn.

Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Khổng Thị Tuyết N1, sinh ngày 19/10/2004, Khổng Thị Tuyết N2, sinh ngày 08/6/2012. Hiện nay, các cháu đang sống với chị T. Chị T xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện hai cháu đang sống với mẹ. Qua xác minh ở địa phương nơi chị T và anh H sinh sống cho thấy, chị T vẫn đang đảm nhiệm việc nuôi dạy con tốt không có vi phạm gì và cháu N1 cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cho đời sống của các con sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị T. Xử cho chị T được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh H cấp

dưỡng nuôi con (mặc dù Tòa đã giải thích chị T không đồng ý). Xét đây là sự tự nguyện của chị nên ghi nhận.

Tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu T đối với anh Khổng Văn H.

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thu T và anh Khổng Văn H được ly hôn.

+ Về con chung: Chị Trần Thị Thu T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là cháu Khổng Thị Tuyết N1, sinh ngày 19/10/2004, Khổng Thị Tuyết N2, sinh ngày 08/6/2012 cho đến khi cháu N1 và cháu N2 tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

+ Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010157 ngày 13/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS H. Châu Thành;
- THADS H. C;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thúy Hằng

